

HIỆU QUẢ CỦA VIỆC SỬ DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TRONG VIỆC GIẢNG DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG ANH CHO HỌC SINH LỚP 11 TẠI MỘT TRƯỜNG TRUNG HỌC Ở HÀ NỘI

ĐỖ THỊ PHƯƠNG MAI¹
NGUYỄN THỊ THÙY LINH²

Abstract: The study focuses on evaluating the effectiveness of using mind maps in teaching English grammar for 11th graders at a high school in Hanoi. The objective of the study is to demonstrate how the use of mind maps in teaching grammar influences students' comprehension, retention of grammar rules, and their attitudes toward this teaching tool. The research combines quantitative analysis of students' test scores before and after the experiment with qualitative analysis of surveys and interviews. The results indicate positive correlations between the use of mind maps and improvements in learning effectiveness, as well as a deeper understanding of grammar rules, increased learning motivation, and enhanced long-term memory retention. The collected data also show students' enthusiasm for this innovative teaching method. The study suggests widespread integration of mind maps as a teaching tool to improve English grammar teaching, providing a useful teaching tool for teachers and meeting the needs and preferences of contemporary learners.

Keywords: *mind maps, integration of mind maps, using mind maps, grammar teaching, teaching methods*

1. Đặt vấn đề

Phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh hiện nay tại các trường trung học ở Việt Nam chủ yếu theo phương pháp truyền thống có thể không giải quyết hiệu quả nhu cầu học đa dạng của học sinh với trình độ khác nhau. Nhiều học sinh đối mặt với khó khăn trong việc học ngữ pháp do trình độ hiểu biết tiếng Anh kém và hạn chế của phương pháp dạy học truyền thống (chủ yếu là phương pháp dịch, giáo viên đóng vai trò trung tâm giảng dạy về các kiến thức ngữ pháp). Kết quả là học sinh thiếu tự tin và hứng thú trong việc học tiếng Anh ở các trường trung học. Nhóm tác giả đã chỉ ra những thách thức trong việc tạo động lực cho học sinh học ngữ pháp tiếng Anh và đề xuất sử dụng sơ đồ tư duy như một công cụ hiệu quả khuyến khích học sinh ghi chép một cách hệ thống các kiến thức ngữ pháp và cải thiện việc ghi nhớ dài hạn. Có khá nhiều nghiên cứu trước đây cả trên thế giới và ở Việt Nam về việc tích hợp sơ đồ tư duy vào giảng dạy ngôn ngữ như, nghiên cứu của tác giả Yan Wang [8] về hiệu quả của việc ứng dụng sơ đồ tư duy cho việc dạy kỹ năng đọc hiểu, nghiên cứu của tác giả Ngô Thị Cảnh (2017) về hiệu quả của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong việc dạy từ vựng tiếng Anh cho học sinh lớp 11, nghiên cứu của tác giả Edy Waloyo (2017) về việc ứng dụng sơ đồ tư duy trong giảng dạy kỹ năng viết, nghiên cứu của tác giả Ling Wang [6] về hiệu quả của việc sử dụng sơ

¹ TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

² HVCH, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

đồ tư duy trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh ... Tất cả các nghiên cứu trên đều chứng minh hiệu quả của việc ứng dụng sơ đồ tư duy trong việc giảng dạy ngôn ngữ. Chính vì vậy, tác giả muốn tiến hành nghiên cứu để đánh giá những thách thức và cơ hội của việc ứng dụng sơ đồ tư duy trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh lớp 11 tại trường trung học nơi tác giả đang công tác góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy nơi đây.

Để đạt được mục tiêu trên, nghiên cứu cần tìm ra câu trả lời cho hai câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Việc sử dụng sơ đồ tư duy cải thiện sự hiểu biết và ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp tiếng Anh của học sinh như thế nào?

2. Thái độ của học sinh lớp 11 tại một trường trung học ở Hà Nội đối với việc sử dụng sơ đồ tư duy như một công cụ giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh như thế nào?

2. Cơ sở lý luận

2.1. Các phương pháp giảng dạy ngữ pháp

Phương pháp ngữ pháp - dịch có nguồn gốc từ các ngôn ngữ cổ điển như Latin và Hy Lạp, nhằm giảng dạy ngữ pháp và từ vựng thông qua các bài tập dịch ngữ. Phương pháp này chú trọng kỹ năng đọc và viết hơn là kỹ năng nói và nghe [7]. Học sinh được yêu cầu dịch các câu hoặc văn bản từ ngôn ngữ đích sang ngôn ngữ mẹ đẻ và ngược lại. Quy tắc ngữ pháp được trình bày theo phương pháp suy luận, chủ yếu yêu cầu học sinh học thuộc lòng. Phương pháp này phổ biến trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhưng bị chỉ trích vì bỏ qua khả năng giao tiếp và cản trở khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế [4]. *Phương pháp trực tiếp*, xuất hiện như một phương pháp đối lập với phương pháp ngữ pháp - dịch, nhấn mạnh vào việc giao tiếp và tiếp cận ngôn ngữ một cách hoàn toàn. Phương pháp này chủ yếu tập trung vào ngôn ngữ nói. Với phương pháp này, ngôn ngữ đích được sử dụng như là phương tiện giảng dạy duy nhất, hầu như không sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ [7]. Ngữ pháp được dạy theo phương pháp suy luận, chủ yếu tập trung vào ngôn ngữ nói và giao tiếp. Các cuộc hội thoại, đóng vai, và tình huống thực tế được sử dụng để kích thích người học. Mặc dù phương pháp này có hiệu quả trong việc phát triển khả năng nói lưu loát, nhưng cũng bị chỉ trích vì có thể bỏ qua cấu trúc ngữ pháp phức tạp [5].

Phương pháp giao tiếp, xuất hiện vào những năm 1970, khắc phục những hạn chế của các phương pháp trước đó. Phương pháp này tập trung vào việc sử dụng ngôn ngữ cho giao tiếp thực tế, giảng dạy ngữ pháp trong bối cảnh các hoạt động giao tiếp. Ngữ pháp được dạy theo phương pháp suy luận trong bối cảnh các hoạt động giao tiếp, như trò chơi đóng vai, thảo luận nhóm, và các nhiệm vụ giải quyết vấn đề [7]. Phương pháp này lấy người học làm trung tâm nhằm phát triển năng lực giao tiếp và kỹ năng nói lưu loát bằng cách trao cơ hội cho người học sử dụng ngữ pháp trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Kết quả học sinh có sự cải thiện về khả năng giao tiếp, đặc biệt là trong kỹ năng nói và nghe. Tuy nhiên, những người chỉ trích cho rằng chỉ tập trung vào giao tiếp có thể bỏ qua sự chính xác về ngữ pháp, và việc giảng dạy ngữ pháp một cách rõ ràng có thể cần thiết cho việc sử dụng ngôn ngữ ở mức độ phức tạp hơn [4].

2.2. Sử dụng sơ đồ tư duy trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh

2.2.1. Sơ đồ tư duy là gì?

Sơ đồ tư duy là một công cụ tổ chức, hỗ trợ tư duy, có thể miêu tả là một kỹ thuật hình họa với sự kết nối các khái niệm chính thông qua hình ảnh, đường liên kết, tạo ra một mạng lưới có cấu trúc các ý tưởng. Phương pháp này được biết đến là “tư duy mở rộng” xoay quanh một ý tưởng trung tâm, thường được biểu diễn dưới dạng hình ảnh, với các nhánh mở rộng về phía sau và phía trước từ ý tưởng cốt lõi. Mặc dù không phải là một ý tưởng mới, sơ đồ tư duy đã trở nên phổ biến nhờ Tony Buzan, người định nghĩa chúng như là mạng lưới hình ảnh và từ ngữ liên kết các kỹ năng nhận thức khác nhau, bao gồm từ, hình ảnh, số, logic, nhịp, màu sắc và nhận thức không gian [2, tr. 81]. Buzan cho rằng sơ đồ tư duy có thể mở khóa tiềm năng của tâm trí bằng cách phản ánh chức năng liên kết toàn diện và mở rộng của não bộ.

2.2.2. Cách tạo sơ đồ tư duy

Trong cuốn *The mind map book*, Tony Buzan và Barry Buzan [2] đã mô tả các bước tạo ra một sơ đồ tư duy hiệu quả. Đầu tiên, ý tưởng chính được biểu diễn bằng một hình ảnh hoặc một từ đơn ở vị trí trung tâm. Các nhánh chính được phát triển ra bên ngoài để minh họa các chủ đề phụ chính liên quan đến ý tưởng trung tâm. Trên mỗi nhánh chính là các từ khóa ngắn kết nối với các nhánh phụ. Những nhánh phụ được mở rộng để cung cấp thông tin chi tiết hơn, kết hợp từ khóa và hình ảnh. Sơ đồ tư duy được trang trí bằng màu sắc và hình ảnh giúp tăng sự hấp dẫn và ấn tượng. Các đường cong và mũi tên kết nối các nhánh giúp cho sơ đồ tư duy trông tự nhiên và có tính liên kết. Bước cuối cùng cần xem xét lại toàn bộ sơ đồ tư duy sao cho đảm bảo tính chính xác, người học có thể điều chỉnh để cải thiện sự rõ ràng và mạch lạc tổng thể. Tuân theo những bước này, người học có thể tạo ra sơ đồ tư duy có tổ chức tốt và hấp dẫn giúp việc ghi chép có hệ thống hơn, hiểu rõ hơn, và ghi nhớ dễ dàng hơn.

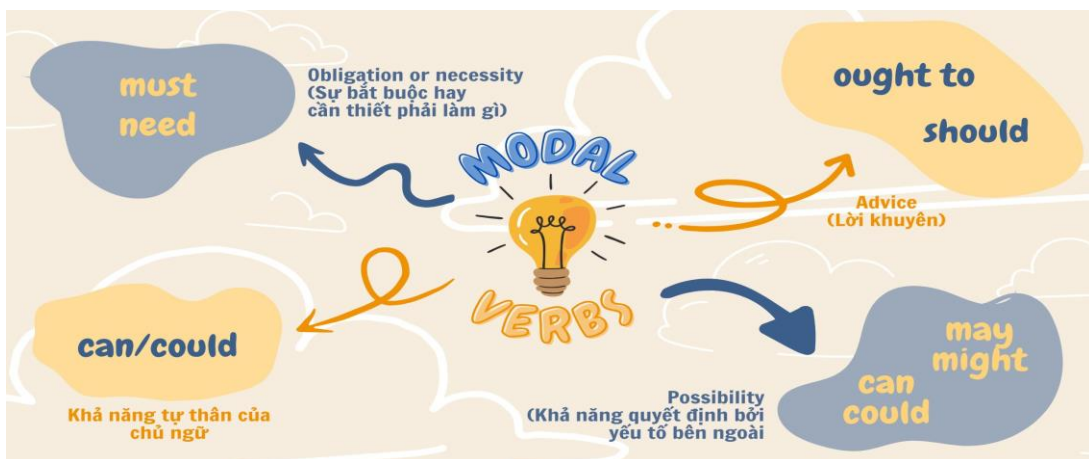
2.2.3. Sự kết hợp sơ đồ tư duy và các phương pháp giảng dạy ngữ pháp

Sự kết hợp sơ đồ tư duy và các phương pháp giảng dạy ngữ pháp trong việc dạy tiếng Anh đã mang lại nhiều lợi ích đáng kể. Sơ đồ tư duy không chỉ là một công cụ hữu ích để tổ chức thông tin mà còn tạo ra một kết nối mạnh mẽ giữa các phương pháp giảng dạy ngữ pháp khác nhau. Sự kết hợp này được phản ánh trong các nghiên cứu của các tác giả Richards và Rodgers [7], về việc sử dụng phương pháp giảng dạy ngữ pháp trong bối cảnh các hoạt động giao tiếp, giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp và kỹ năng nói lưu loát. Đồng thời, Ellis [4] cũng đã chỉ ra rằng việc kết hợp các phương pháp giảng dạy ngữ pháp có thể đảm bảo sự chính xác về ngữ pháp và khuyến khích sự sử dụng ngôn ngữ ở mức độ phức tạp hơn. Tóm lại sơ đồ tư duy không chỉ là một công cụ hiệu quả trong việc biểu diễn cấu trúc và quy tắc ngữ pháp theo cách dễ hiểu và trực quan mà còn là một phương tiện linh hoạt để kết hợp và tối ưu hóa các phương pháp giảng dạy ngữ pháp khác nhau, từ đó giúp tăng cường hiệu quả giảng dạy và học tập.

2.2.4. Ứng dụng sơ đồ tư duy trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh

Sơ đồ tư duy mang lại nhiều lợi ích đáng kể trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh bằng cách cung cấp một biểu đồ hình ảnh về cấu trúc ngữ pháp phức tạp, làm cho các

khái niệm trừu tượng trở nên cụ thể và dễ tiếp cận hơn đối với học sinh. Phương pháp tiếp cận hình ảnh và không gian này kích thích sự sáng tạo của người học, khuyến khích kết nối giữa các yếu tố ngữ pháp khác nhau và hỗ trợ việc hiểu và ghi nhớ tốt hơn. Sơ đồ tư duy cũng thúc đẩy học tập tích cực khi học sinh tham gia tổ chức và tổng hợp kiến thức ngữ pháp. Ví dụ, khi giảng dạy về *modal verbs* (động từ khuyết thiếu) trong Unit 2, sách giáo khoa *Tiếng Anh 11 - Global Success* tác giả đã sử dụng sơ đồ tư duy để phân loại các loại động từ khuyết thiếu, giải thích cách sử dụng mỗi loại giúp học sinh học một cách có hệ thống và dễ dàng phân biệt hơn.



Hình 1. Sản phẩm học tập của học sinh lớp 11A8

Khi vẽ sơ đồ tư duy, học sinh nên sử dụng màu sắc và biểu tượng nhằm khuyến khích sự sáng tạo, tạo động lực học và ghi nhớ lâu hơn. Ví dụ, khi giảng dạy về *stative verbs* (động từ tình thái) trong Unit 3, sách giáo khoa *Tiếng Anh 11 - Global success*, tác giả đã hướng dẫn học sinh tạo sơ đồ tư duy thể hiện các loại *stative verbs* với các màu sắc và biểu tượng khác nhau giúp quá trình học tập trở nên sinh động và hiệu quả hơn.



Hình 2. Sản phẩm học tập của học sinh lớp 11A8

Tóm lại, sơ đồ tư duy là một phương pháp có tổ chức và hấp dẫn giúp học sinh hiểu nhanh, nhớ lâu và tham gia tích cực trong quá trình học ngữ pháp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu bán thực nghiệm, tiến hành nghiên cứu với 40 học sinh từ hai lớp, 11A7 và 11A8, tại một trường trung học ở Hà Nội, sử dụng bài kiểm tra ngữ pháp (kiểm tra trước và sau thực nghiệm), bảng câu hỏi khảo sát các cuộc phỏng vấn để thu thập dữ liệu. Trước khi bắt đầu nghiên cứu, tác giả cho cả hai lớp làm bài kiểm tra về kiến thức ngữ pháp của Unit 1 trong sách giáo khoa *Tiếng Anh 11 - Global Success*. Dựa trên kết quả bài kiểm tra, những học sinh ở trình độ cao và thấp được loại bỏ, 40 học sinh ở cấp độ trung bình (20 học sinh mỗi lớp) có điểm trung bình gần như tương đồng đã được chọn tham gia thực nghiệm. 40 học sinh tham gia từ hai nhóm đều 17 tuổi, học cùng một sách giáo khoa tiếng Anh và có 6 tiết học tiếng Anh mỗi tuần. Hơn nữa, tất cả đều học ngữ pháp tiếng Anh theo phương pháp truyền thống. Trước đó, học sinh chưa bao giờ sử dụng sơ đồ tư duy khi học ngữ pháp tiếng Anh. Nhóm thực nghiệm (11A8) được giảng dạy kiến thức ngữ pháp bằng sơ đồ tư duy, trong khi nhóm đối chứng (11A7) sử dụng các kỹ thuật truyền thống như ghi chép thông thường. Cả hai nhóm đều do tác giả đảm nhận giảng dạy, thu thập cũng như phân tích dữ liệu. Tác giả giảng dạy cùng một nội dung ngữ pháp trong Unit 2 và Unit 3, sách giáo khoa *Tiếng Anh 11 - Global Success* cho cả hai lớp trong 8 tuần, mỗi 4 tuần kết thúc 1 unit. Sau 8 tuần, tác giả cho cả hai nhóm làm bài kiểm tra về ngữ pháp của Unit 2 và Unit 3 trong sách giáo khoa. Để đảm bảo hai học sinh ngồi gần nhau không chép bài được của nhau, tác giả đã thiết kế hai mã đề kiểm tra khác nhau nhưng có cùng ma trận và độ khó. Để nghiên cứu trở nên khách quan, tác giả đã nhờ một giáo viên khác hỗ trợ chấm điểm bài kiểm tra. Sau thực nghiệm, một cuộc khảo sát và phỏng vấn đã được tiến hành để đánh giá thái độ của hai nhóm đối với việc học ngữ pháp tiếng Anh với sơ đồ tư duy.

Bảng 1. Quá trình nghiên cứu

Thời gian	Các hoạt động nghiên cứu	Nhóm
Tuần 1	- Tổ chức bài kiểm tra trước thực nghiệm - Hướng dẫn kỹ thuật vẽ sơ đồ tư duy	- 2 nhóm
Tuần 2 - 8	- Thực hiện giảng dạy ngữ pháp cho học sinh nhóm thực nghiệm	- Nhóm thực nghiệm
Tuần 9	- Tổ chức bài kiểm tra sau thực nghiệm - Tổ chức thu thập dữ liệu từ bảng câu hỏi khảo sát - Thực hiện các cuộc phỏng vấn	- 2 nhóm - Nhóm thực nghiệm

Quá trình giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh áp dụng sơ đồ tư duy cho nhóm thực nghiệm diễn ra như sau. Giáo viên bắt đầu bài giảng bằng cách giới thiệu sơ đồ tư duy các khái niệm ngữ pháp, đồng thời cung cấp giải thích rõ ràng, ví dụ và quy tắc liên quan. Trong khi xây dựng sơ đồ tư duy, giáo viên khuyến khích thảo luận trong lớp, thúc đẩy sự tham gia tích cực và đảm bảo sự hiểu biết chung. Giáo viên sử dụng màu sắc và biểu tượng để tổ chức thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh ghi nhớ. Cuối bài học, giáo viên đánh giá lại toàn bộ sơ đồ tư duy, sử dụng sơ đồ tư duy như một tóm tắt hình ảnh để củng cố các điểm ngữ pháp và làm rõ bất kỳ thắc mắc nào của học sinh. Giáo viên giao bài tập về nhà cho học sinh thiết kế sơ đồ tư duy để tóm tắt các điểm ngữ pháp đã học. Trong bài học tiếp theo, giáo viên kiểm tra sự hiểu biết và ghi nhớ của học sinh bằng cách yêu cầu học sinh trình bày sơ đồ tư duy

trước lớp. Giáo viên kiểm tra định kì lại sơ đồ tư duy trong các bài học sau giúp học sinh nhớ lâu hơn và hiểu sâu sắc hơn các chủ điểm ngữ pháp.

4. Kết quả và bàn luận

4.1. Hiệu quả của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh

Bảng 2. Kết quả so sánh bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm của học sinh

Gain ³	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm	
	Số lượng học sinh	Tỉ lệ %	Số lượng học sinh	Tỉ lệ %
Gain < 0	13	65	1	5
0 ≤ Gain < 1	7	35	13	65
1 ≤ Gain < 2	0	0	5	25
Gain ≥ 2	0	0	1	5
Tổng	20	100	20	100

Bảng 2 minh họa những kết quả đối lập giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Có đến 65% học sinh trong nhóm đối chứng không có sự tiến bộ; 35% có sự tăng điểm nhỏ (dưới 1 điểm). Ngoài ra, không có học sinh nào trong nhóm này có sự tăng điểm từ 1 điểm trở lên. Ngược lại, nhóm thực nghiệm đã cho thấy kết quả tích cực hơn: chỉ có 5% học sinh trong nhóm này không có sự tiến bộ; 65% học sinh có sự tăng điểm nhỏ (dưới 1 điểm); 25% học sinh đã có sự tăng điểm trung bình (từ 1 đến 2 điểm); đáng chú ý, có 5% học sinh trong nhóm thực nghiệm đã đạt được sự tăng điểm từ 2 điểm trở lên.

Bảng 3. Kết quả so sánh điểm trung bình bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm của học sinh

Nhóm	Điểm trung bình (Bài kiểm tra trước thực nghiệm)	Điểm trung bình (Bài kiểm tra sau thực nghiệm)
Nhóm đối chứng	6,11	6,07
Nhóm thực nghiệm	6,19	6,96

Bảng 3 so sánh điểm trung bình bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm của học sinh. Nhóm đối chứng có sự giảm nhẹ về điểm trung bình từ bài kiểm tra trước thực nghiệm (6,11) đến bài kiểm tra sau thực nghiệm (6,07). Sự giảm nhẹ về điểm số này cho thấy rằng các phương pháp giảng dạy truyền thống có thể không hiệu quả trong việc duy trì hoặc cải thiện hiểu biết về ngữ pháp của học sinh.

Ngược lại, nhóm thực nghiệm thể hiện sự tăng đáng kể về điểm trung bình từ bài kiểm tra trước thực nghiệm (6,19) đến bài kiểm tra sau thực nghiệm (6,96). Cải thiện đáng kể về điểm số cho thấy sơ đồ tư duy giúp học sinh có trải nghiệm học tập hiệu quả hơn, hiểu biết về ngữ pháp tổng thể có sự tiến bộ hơn.

³ Số điểm tăng lên của bài kiểm tra sau thực nghiệm so với bài kiểm tra trước thực nghiệm

Khi so sánh điểm trung bình trước và sau kiểm tra giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, thấy rõ rằng nhóm thực nghiệm có sự tiến bộ tích cực hơn. Sự giảm nhẹ về điểm trung bình của nhóm đối chứng cho thấy phương pháp giảng dạy truyền thống có tác động hạn chế đối với việc duy trì hoặc cải thiện kiến thức ngữ pháp. Ngược lại, sự tăng đáng kể của nhóm thực nghiệm chứng minh giả thuyết rằng việc tích hợp sơ đồ tư duy vào giảng dạy ngữ pháp có tác động tích cực đối với kết quả học tập của học sinh.

4.2. Thái độ của học sinh đối với việc áp dụng sơ đồ tư duy trong việc học ngữ pháp tiếng Anh

Học sinh tại trường trung học nói chung thể hiện thái độ tích cực đối với việc sử dụng sơ đồ tư duy trong việc giảng dạy tiếng Anh. Đa số học sinh (60%) đánh giá việc tích hợp sơ đồ tư duy làm cho quá trình học thêm phần thú vị. 30% học sinh có cảm nhận trung lập về việc sử dụng sơ đồ tư duy, trong khi chỉ một phần nhỏ (10%) cảm thấy phương pháp này nhàm chán.

Phần lớn học sinh (90%) thích học sử dụng sơ đồ tư duy, nhấn mạnh rằng các em thích cách tiếp cận hình ảnh và tương tác mà sơ đồ tư duy mang lại. Ngược lại, chỉ có một phần nhỏ (10%) thích học phương pháp truyền thống.

Hơn nữa, khi được hỏi liệu các em có muốn tiếp tục học ngữ pháp tiếng Anh bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy hay không, phần lớn học sinh (90%) thể hiện mong muốn tiếp tục, chỉ có một phần nhỏ (10%) có ý kiến ngược lại. Điều này thể hiện sự nhất quán chấp nhận tích cực và sẵn sàng duy trì việc sử dụng sơ đồ tư duy của học sinh trong các bài học ngữ pháp tiếng Anh trong tương lai.

Cuộc phỏng vấn không chính thức với 10 học sinh trong nhóm thực nghiệm giúp khẳng định kết quả nghiên cứu. Học sinh nhận thấy những lợi ích của sơ đồ tư duy như giúp học sinh học ngữ pháp nhanh hơn, dễ dàng hơn, nhớ lâu hơn và tăng động lực trong quá trình học tập. Mặc dù có một số ý kiến cho rằng sử dụng sơ đồ tư duy mất nhiều thời gian và công sức hơn, nhưng phần lớn học sinh đều thể hiện thái độ tích cực.

Tóm lại, phản hồi của học sinh từ bảng khảo sát và cuộc phỏng vấn không chính thức cung cấp bằng chứng thuyết phục về tác động tích cực của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh tại trường trung học. Học sinh đánh giá cao tính hình ảnh và tương tác của sơ đồ tư duy, nhất là sự hiệu quả trong việc kích thích động lực học, làm cho quá trình học trở nên thú vị và tăng cường khả năng ghi nhớ.

5. Kết luận

Trong nghiên cứu nhỏ này, tác giả nghiên cứu về hiệu quả của việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh lớp 11 tại một trường trung học ở Hà Nội bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy. Nghiên cứu tập trung vào hai câu hỏi chính: “Việc sử dụng sơ đồ tư duy cải thiện khả năng hiểu và ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp tiếng Anh của học sinh như thế nào?” và “Thái độ của học sinh lớp 11 về việc sử dụng sơ đồ tư duy như một công cụ giảng dạy cho ngữ pháp

tiếng Anh như thế nào?” Kết quả liên quan đến câu hỏi đầu tiên chỉ ra một tác động tích cực có ý nghĩa, cho thấy sự cải thiện đáng kể trong khả năng hiểu các khái niệm ngữ pháp và tăng cường ghi nhớ lâu dài của học sinh. Phân tích số liệu giữa điểm kiểm tra trước và sau thực nghiệm cho thấy sự tiến bộ vượt trội của học sinh học ngữ pháp tiếng Anh với sơ đồ tư duy so với học sinh học theo phương pháp truyền thống.

Phân tích dữ liệu từ các bảng câu hỏi và cuộc phỏng vấn cho thấy các phản ứng hầu hết tích cực của học sinh. Học sinh đánh giá cao sự hấp dẫn hình ảnh, tính tương tác và khả năng của sơ đồ tư duy khi tạo ra mối liên kết ý nghĩa giữa các yếu tố ngữ pháp. Sử dụng sơ đồ tư duy hỗ trợ học sinh hiểu sâu hơn về ngữ pháp tiếng Anh, đồng thời giúp học sinh tích cực học hơn.

Tóm lại, nghiên cứu này cho thấy tiềm năng lợi ích của việc tích hợp sơ đồ tư duy như một công cụ giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh trong bối cảnh cụ thể của trường trung học này. Nghiên cứu không chỉ làm nổi bật sự tiến bộ về hiểu và ghi nhớ kiến thức của học sinh mà còn nhấn mạnh sự tích cực của học sinh đối với phương pháp sáng tạo này. Những kết quả này góp phần đưa việc áp dụng sơ đồ tư duy vào việc giảng dạy ngữ pháp cho học sinh tại trường trung học, giúp giáo viên có một công cụ giảng dạy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu và sở thích của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Văn Vân, Vũ Hải Hà, Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Kiều Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Phụng, *Tiếng Anh 11 - Global Success*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022.

Tiếng Anh

2. Buzan, T., & Buzan, B., *The mind map book*, BBC Books, 1993.
3. Waloyo, E., *The implementation of mind mapping technique in teaching writing: A case study at man 13 Jakarta*, ELT-Echo, Volume 2, Number 1, 2017.
4. Ellis, R., *Task-based Language Learning and Teaching*, Oxford University Press, Oxford, 2003.
5. Howatt, A. P. R., *A history of English language teaching*, Oxford University Press, Oxford, 1984.
6. Wang, L., *Research on the application of the mind map in English grammar teaching*, Theory and Practice in Language Studies, Vol. 9, No. 8, pp. 990-995, 2019.
7. Richards, J. C., & Rodgers, T. S., *Approaches and methods in language teaching*, Cambridge University Press, Cambridge, 2001.
8. Wang, Y., *Application on mind map in college English reading teaching*, Teaching and Research Institute of Foreign Languages, Bohai University, Jinzhou, 121013, China, 2016.